TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01/7/2019
V/v Ly hôn, t/c nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Công Định**
2. Bà **Dương Thị Kim Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà: Bà **Đàm Thị Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 01tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị **Nguyễn Thị M** - Sinh năm 1991. Có mặt.
Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.
2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn K** - Sinh năm 1985. Vắng mặt.
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Tr, xã Đ, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).
3. Người làm chứng: Bà Trần Thị T - Sinh năm 1962.Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 13/12/2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn khoảng 4 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế vợ chồng khó khăn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2013 anh K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), thời gian ở nước ngoài anh K có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau khi anh K liên lạc về nhà. Năm 2014 chị M sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động mục đích nhằm gần gũi và cải thiện quan hệ hôn nhân với anh K nhưng cũng không đạt kết quả, hơn nữa vợ chồng càng phát sinh mâu thuẫn gay gắt, do vậy chị đã về Việt Nam sinh sống. Cuối năm 2017 anh K về Việt Nam được khoảng 2 tháng sau đó lại xuất cảnh bất hợp pháp sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động cho đến nay không về. Vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Do anh K lao động bất hợp pháp nên chị M không biết và không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng chị có một con chung là Phạm Thảo V, sinh ngày 15/8/2013, hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh K là ông Phạm Văn H, bà Trần Thị T. Chị M xác định hiện đang làm công nhân, phải đi sớm về muộn, thu nhập thấp, nơi ăn ở cố định chưa có nên chị đề nghị giao con chung cho anh K nuôi dưỡng và nhờ bố mẹ đẻ anh K chăm sóc trong thời gian anh K không ở Việt Nam.Chị tự nguyện đóng góp tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn K hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc). Tòa án đã tiến hành đề nghị gia đình anh K cung cấp địa chỉ của anh K ở nước ngoài, tuy nhiên do anh K xuất cảnh bất hợp pháp nên gia đình không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh K và tiến hành niêm yết theo quy định. Gia đình anh K đã thông báo nội dung khởi kiện của chị M cho anh K biết nhưng anh K không về Việt Nam để giải quyết. Anh K gọi điện thông qua mẹ đẻ là bà Trần Thị T và có quan điểm nhất trí ly hôn chị M, đề nghị được nuôi con chung, còn vấn đề cấp dưỡng thì tùy chị M cấp dưỡng cho con theo quy định và anh nhờ bà T, ông H chăm sóc con chung hộ anh trong thời gian anh ở nước ngoài.

Người làm chứng bà Trần Thị T khai: Năm 2013 anh K đi lao động ở Đài Loan (Trung Quốc), năm 2014 chị M cũng sang Đài Loan (Trung Quốc) cùng anh K để làm ăn kinh tế nhưng một thời gian sau thì chị M về Việt Nam. Năm 2017 anh K bị trục xuất về Việt Nam được khoảng 2 tháng thì anh K lại đi Đài Loan (Trung Quốc) lao động. Anh K bị trục xuất nên không thể làm hồ sơ đi theo đường chính ngạch mà làm hồ sơ theo đường du lịch rồi ở lại Đài Loan (Trung Quốc) từ đó cho đến nay không về. Anh K vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về cho gia đình. Bà T có hỏi địa chỉ cụ thể của anh K ở Đài Loan

nhưng anh K không cung cấp. Bà T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo ngay cho anh K. Anh K đã biết việc chị M khởi kiện và nói rõ quan điểm: Trong thời gian chị M ở Đài Loan thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn nên vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, do vậy chị M đã về Việt Nam. Nay chị M ly hôn thì anh K nhất trí và đề nghị được nuôi con chung là Phạm Thảo V, sinh ngày 15/8/2013 và nhờ bà T, ông H chăm sóc hộ. Bà T và gia đình nhất trí quan điểm của anh K về việc nuôi con cho đến khi anh K về Việt Nam, còn việc chi phí nuôi con hộ anh K thì gia đình bà tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và tự nguyện cấp dưỡng cho con với số tiền 1.500.000đ/tháng, tính từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Anh K xuất cảnh đi Đài Loan từ ngày 16/7/2013 và nhập cảnh về Việt Nam ngày 19/9/2017 bằng giấy thông hành, hiện không có thông tin xuất cảnh. Do không có cơ sở xác định anh K đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Vì vậy, Đề nghị HĐXX ra quyết định chuyển vụ án về Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương giải quyết theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:Về thẩm quyền giải quyết vụ án Chị Nguyễn Thị M đề nghị giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn K, thời điểm thụ lý vụ án và cho đến nay chị M vẫn xác định anh Kiên đang lao động ở Đài Loan (Trung Quốc). Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý vụ án đã có công văn đề nghị Cục xuất nhập cảnh cung cấp thông tin xuất cảnh của anh K. Theo thông tin của Cục xuất nhập cảnh thì anh K xuất cảnh ngày 06/7/2013 và nhập cảnh ngày 19/9/2017 về Việt Nam bằng giấy thông hành. Tuy nhiên, theo thông tin do chị M và bà Trần Thị T (mẹ đẻ anh K) cung cấp thì sau khi bị trục xuất về Việt Nam, anh K lại đi lao động ở Đài Loan theo đường không chính ngạch sau đó trốn ở lại Đài Loan lao động bất hợp pháp. Việc anh Kiên đi lao động ở Đài Loan được Công an xã Đ xác nhận do nắm bắt tình hình an ninh, nhân khẩu trên địa bàn xã. Anh K vẫn thường xuyên gọi điện từ Đài Loan về hỏi thăm gia đình, con cái. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Do chị M và gia đình bà T, ông H không biết được địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tòa án đã niêm yết, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà T, bà T cam đoan nhận và đã thông báo bằng điện thoại đầy đủ cho anh K. Anh K đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của chị M và đã trình bày rõ quan điểm của anh K về việc ly hôn. Tại phiên tòa anh K vắng mặt

lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Gi tháng 12/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị M và anh K chung sống hạnh phúc khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Năm 2013 anh K đi lao động ở Đài Loan (Trung Quốc) vợ chồng có liên lạc nhưng thường xuyên cãi nhau. Năm 2014 chị M sang Đài Loan lao động cùng với anh K nhằm mục đích cải thiện quan hệ hôn nhân, tuy nhiên sang Đài Loan vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn, không ai còn tin tưởng ai nên chị M lại về Việt Nam sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai còn quan tâm tới ai. Gia đình anh K xác định vợ chồng anh K, chị M đã thực sự mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên cũng nhất trí quan điểm giải quyết ly hôn. HĐXX xét thấy chị M và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K cũng có quan điểm nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh K là phù hợp quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M và anh K có 01 con chung là Phạm Thảo V, sinh ngày 15/8/2013. Chị M xác định hiện làm công nhân, thu nhập thấp, nơi ăn ở chưa ổn định nên không đủ điều kiện nuôi con, trong khi đó con chung sống cùng với ông bà nội (bố mẹ anh K) từ khi còn nhỏ cho đến nay, do vậy chị đề nghị để anh K trực tiếp nuôi con. Thông qua gia đình bà T, anh K đề nghị được nuôi con và nhờ bà T và gia đình chăm sóc hộ trong thời gian anh K ở nước ngoài. Bà T, ông H đều đồng ý. Xét thấy hiện nay con chung của chị M, anh K đã sinh sống ổn định và đều do bà T, ông H chăm sóc từ nhỏ đến nay. Để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu V và xét điều kiện hoàn cảnh của chị M, HĐXX cần giao con chung Phạm Thảo V cho anh K nuôi dưỡng và tạm giao cho gia đình bà Trần Thị T, ông Phạm Văn H (bố mẹ anh K) trực tiếp nuôi dưỡng thay anh K cho đến khi anh K về Việt Nam, mọi chi phí nuôi dưỡng do bà T, ông H, anh K tự giải quyết. Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con, chị M tự nguyện cấp dưỡng cho con với số tiền 1.500.000đ/tháng, từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành, như vậy là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh K không có quan điểm về việc giải quyết tài sản, sau này anh K có đơn yêu cầu giải quyết việc phân chia tài sản chung, nợ chung (nếu có) thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về việc Hôn nhân và gia đình), án phí về việc cấp dưỡng theo định kỳ, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Phạm Văn K.

2. Về nuôi con chung khi ly hôn: Xử giao cho anh Phạm Văn K được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Thảo V, sinh ngày 15/8/2013 và tạm giao cho bà Trần Thị T, ông Phạm Văn H chăm sóc con chung thay cho anh K cho đến khi anh K về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M về việc cấp dưỡng cho con chung số tiền 1.500.000đ/tháng (Một triệu đồng mỗi tháng) tính từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về việc Hôn nhân và gia đình) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng theo định kỳ. Tổng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Mừng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2017/0001581 ngày 20/7/2018. Chị Nguyễn Thị M còn phải nộp tiếp **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* còn thiếu.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Hải Dương
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã Đ, huyện Gi, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN MINH TÂN